

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/LĐ-PT
Ngày 28 tháng 02 năm 2025
“V/v tranh chấp
Hợp đồng lao động”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hưởng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Vũ và ông Nguyễn Ngọc Thúy.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Xuân -Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 76/2024/TLPT-LĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động”. Do Bản án lao động sơ thẩm số 02/2024/LĐ-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 816/2024/QĐ-PT ngày 31/10/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1987
Địa chỉ: Xóm Nội, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (có mặt).
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lê Thị Thanh T: Ông Phan Đức T, sinh năm 1965. Luật sư của Công ty Luật TNHH B - Đoàn Luật sư thành phố H.
Địa chỉ: Số nhà 04 ngõ 266 đường Ng, quận L, thành phố H (có mặt).
2. Bị đơn: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành H (sau đây gọi tắt là Công ty Thành H).
Địa chỉ: Khu 14, xã T, huyện L, tỉnh P
Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Bà Nghiêm Thị Th. Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty (vắng mặt).
Người đại diện theo ủy quyền của Công ty:
- Anh Phùng Nguyễn H, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Tổ 8B, khu 2, phường V, thành phố V, tỉnh P.
- Chị Đào Thị Xuân M, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Tô 5, xã H, thị xã P, tỉnh P (Theo hợp đồng ủy quyền số 22.9.3/2023/HĐUQ ngày 22/9/2023 giữa bà Th và anh H, chị M) (anh H có mặt, chị M vắng mặt).

Người làm chứng: Chị Phạm Thị Phương A, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 47, tổ 19B, phố Th, phường T, TP.V, tỉnh P (vắng mặt).

Người kháng cáo: Chị Lê Thị Thanh T - Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, chị Lê Thị Thanh T là nguyên đơn trình bày: Từ cuối năm 2019 đến đầu năm 2021, chị làm việc tại Công ty S. Khi làm việc thì chị có được Công ty ký hợp đồng lao động với thời hạn 01 năm, hợp đồng lao động được lập thành 02 bản trong đó chị được giữ một bản nhưng hiện nay chị không nhớ hợp đồng này đang để đâu. Công việc của chị là nhân viên bán hàng. Do lúc đó chị đang được hưởng chế độ trợ cấp mất việc làm nên chị không tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Khi chị làm việc là dưới sự chỉ đạo, điều hành của anh Trần Xuân H là Giám đốc Công ty.

Ngày 01/01/2021 Công ty S sát nhập vào Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành H (viết tắt là Công ty Thành H) nên anh Trần Xuân H, chị và một số người khác chuyển sang Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành H làm. Chị bắt đầu làm việc tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành H từ tháng 01/2021 với công việc là chị phụ trách kế toán bán hàng mang thương hiệu S của Công ty. Khi làm việc ở Công ty, chị có bằng cấp về y tá điều dưỡng, không có bằng cấp về kế toán nhưng Công ty vẫn giao cho chị phụ trách kế toán bán hàng. Quá trình làm việc chị luôn luôn chấp hành tốt mọi nội quy, quy định của Công ty và luôn định hướng sẽ gắn bó lâu dài với Công ty nhưng không hiểu vì sao chị lại không được Công ty ký hợp đồng lao động, chị có thắc mắc và tìm hiểu thì được biết tất cả nhân viên và công nhân đang làm trong Công ty cũng chưa được ký hợp đồng lao động như chị. Đến tháng 8/2021 chị được Công ty đóng bảo hiểm xã hội. Ngày 13/7/2022, chị đến Công ty làm việc thì bị Tổng Giám đốc Công ty Thành H không cho chị làm việc và mời chị ra khỏi Công ty nhưng không nói lý do gì. Sau khi chị bị Tổng Giám đốc mời ra khỏi Công ty thì chị cũng không muốn làm việc tại Công ty nữa, mặc dù thời điểm đó chị rất cần việc làm để có thu nhập và chi phí cho sinh hoạt gia đình nhưng chị bị Tổng Giám đốc Công ty chửi bới, xúc phạm làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín trước mặt khách hàng và mọi người trong Công ty. Khi chị nghỉ làm thì đã bàn giao sổ sách cho anh Trần Xuân H, lý do chị không bàn giao cho Công ty là do anh Trần Xuân H là Phó Giám đốc Công ty đang phụ trách chị. Từ ngày 10 đến ngày 15 hàng tháng, Công ty trả tiền lương của tháng trước, ngày 14/7/2022 Công ty gọi điện cho chị đến Công ty nhận tiền lương của tháng 6/2022 nên chị đã đến nhận. Khi nhận tiền lương là có chị Ng là người nhận tiền lương cùng, chị Ng cũng là người bị Tổng Giám đốc đuổi không cho làm ở Công ty như chị. Ngay khi chị và một số người bị Tổng Giám đốc Công ty đuổi không cho làm ở Công ty thì chị không đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết về lý do Công ty không cho làm việc. Đến cuối tháng 6/2023 chị và một số người bị đuổi

việc không thấy Công ty thanh toán tiền lương và các chế độ khác thì chị và mọi người mới làm đơn đề nghị Công ty thanh toán tiền lương và các chế độ nhưng không được giải quyết. Do không được Công ty giải quyết tiền lương và các chế độ thì chị cùng với một số người đã làm đơn gửi đến Sở Lao động và Thương binh xã hội tỉnh Phú Thọ, Liên đoàn Lao động tỉnh Phú Thọ giải quyết. Sau đó chị có nhận được các biên bản làm việc của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành H về việc chị tự ý nghỉ việc tại Công ty, những biên bản làm việc này là do Sở Lao động và thương binh xã hội tỉnh gửi cho chị. Hiện nay anh Trần Xuân H không làm ở Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành H vì đã xảy ra mâu thuẫn với Công ty, thời gian anh H nghỉ cụ thể như nào thì chị không nắm được. Khoảng từ tháng 9/2022 đến nay, chị làm việc tại Công ty TNHH dinh dưỡng Quốc tế A ở thị xã P do anh Trần Xuân H làm Giám đốc, kinh doanh của Công ty là cấm chăn nuôi.

Chị Phạm Thị Phương A là Kế toán của Công ty cho rằng chị làm việc đến ngày 07/7/2022 thì nghỉ làm ở Công ty, đến chiều ngày 14/7/2022 chị đến nhận tiền lương của tháng 6 và tháng 7/2022 thì chị chỉ nhất trí là chị đã nhận tiền lương của tháng 6, còn tháng 7 là chưa nhận, chị làm việc từ ngày 01/7/2022 đến ngày 13/7/2022 mới nghỉ, sự việc này được thể hiện trên nhóm Zalo riêng của chị và một số người trong Công ty đó là chị vẫn trao đổi công việc với khách hàng và thanh toán tiền cho chị sau đó chị chuyển khoản cho Công ty, mặc dù các giao dịch của chị và khi chuyển khoản cho Công ty là chị không có mặt ở Công ty nhưng vẫn được coi là chị đang làm việc ở Công ty. Tại phiên tòa người đại diện của Công ty có xuất trình bảng thanh toán tiền lương của năm 2022 cho chị xem, sau khi xem thì chị xác định chữ ký của chị nhận lương tháng 7/2022 là không phải chữ ký của chị, tiền lương của chị nhận hàng tháng là không đúng vì thấp hơn so với số tiền lương thực tế nhận, chị không đề nghị giám định chữ ký của chị ở phần ký nhận lương trong bảng thanh toán tiền lương năm 2022 như người đại diện Công ty đã xuất trình cho chị xem.

Từ ngày nghỉ làm tại Công ty đến nay, chị không được Công ty thanh toán tiền lương của những ngày trong tháng 7/2022, tiền trợ cấp thôi việc, sa thải và đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Vì vậy, chị đề nghị Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành H trả cho chị tiền lương từ ngày 01/7/2022 đến ngày 13/7/2022 là 2.692.307 đồng; tiền trợ cấp thôi việc là 1.642.450 đồng; tiền sa thải, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là 6.569.800 đồng. Ngày 31/5/2024 chị thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện đó là tiền lương từ 2.692.307 đồng thành 3.692.307 đồng, tiền trợ cấp thôi việc từ 1.642.450 đồng thành 1.837.500 đồng, tiền sa thải, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động từ 6.569.800 đồng thành 7.350.000 đồng, do Công ty chậm trả tiền nên phải trả tiền lãi tính đến ngày xét xử với lãi suất 10%/năm là 2.361.297 đồng. Tổng số tiền chị yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành H phải trả là 15.454.000 đồng (làm tròn số).

Bị đơn là Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành H do bà Nghiêm Thị Th là người đại diện theo pháp luật và anh Phùng Nguyễn H, chị Đào Thị Xuân M là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 02/8/2021, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành H và chị Lê Thị Thanh T ký hợp đồng lao động số

01/2021/TH. Công việc của chị T làm việc tại phòng Hành chính - Kế toán với chức danh chuyên môn là kế toán bán hàng. Quá trình làm việc, Công ty đã trả lương và đóng bảo hiểm xã hội cho chị T theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 07/7/2022 không hiểu lý do gì mà chị T lại tự ý bỏ việc ở Công ty mà không thông báo cho Công ty biết. Chị T là kế toán bán hàng nhưng khi tự ý bỏ việc đã không bàn giao công việc cũng như giấy tờ sổ sách cho Công ty dẫn đến hoạt động kế toán của Công ty bị ảnh hưởng. Ngày 07/7/2022 Giám đốc Công ty cũng như Kế toán trưởng đã nhiều lần gọi điện cho chị T yêu cầu đến làm việc nhưng chị T không nghe điện thoại và cũng không có phản hồi lại. Mỗi một ngày chị T nghỉ làm việc ở Công ty không có lý do thì Công ty đều lập biên bản về việc chị T tự ý nghỉ việc. Để đảm bảo hoạt động của Công ty và sự ổn định về nhân sự, ngày 14/7/2022 Công ty đã ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với chị Tâm. Mặc dù Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với chị T nhưng Công ty vẫn muốn chị T trở lại làm việc, Công ty đã nhiều lần gọi điện cho chị T nhưng chị T không nghe điện và không phải hồi lại. Do chị T không đến Công ty để bàn giao công việc nên đã gây ra nhiều khó khăn cho bộ phận kế toán của Công ty, đồng thời một số sổ sách của Công ty bị thất lạc nên đã liên lạc với chị T thì Công ty được biết là chị T đã đi làm việc ở chỗ khác và không quay lại Công ty làm việc nữa. Nay chị Lê Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành H trả cho chị Lê Thị Thanh T tiền lương từ ngày 01/7/2022 đến ngày 13/7/2022 là 3.692.307 đồng; tiền trợ cấp thôi việc 3.692.307 đồng; tiền sa thải, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là 7.350.000 đồng; tiền lãi là 2.361.297 đồng, thì Công ty không nhất trí trả, vì ngày 14/7/2022 Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với chị T thì Công ty đã gọi chị T đến nhận tiền lương và các khoản phụ cấp của tháng 6/2022 và những ngày đã làm việc trong tháng 7/2022, khi nhận tiền lương và các khoản phụ cấp thì chị T đã ký nhận để Công ty lưu giữ. Sau khi chị T nhận tiền lương và các khoản phụ cấp, ngày 16/7/2022 chị T đã nhắn tin trên Zalo với chị Phạm Thị Phương A là Kế toán trưởng của Công ty với nội dung là chị T đã nhận được tiền lương và chị T đã có chỗ làm việc mới. Chị T bắt đầu làm việc tại Công ty từ tháng 8/2021 nên Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị T từ đó đến khi chị T nghỉ làm; quá trình làm việc thì chị T đã tự ý bỏ việc trên 05 ngày liên tục mà không có lý do, thời điểm chị T bỏ làm việc ở Công ty thì còn có một số người khác cũng tự ý bỏ việc làm như chị T sau đó khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Công ty trả tiền lương, tiền trợ cấp thôi việc, tiền sa thải, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, sau khi Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án thì những người này thấy việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động và giải quyết các chế độ là đúng quy định của pháp luật nên đã rút đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T theo quy định của pháp luật.

Luật sư ông Phan Đức T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lê Thị Thanh T trình bày:

1. Chị Lê Thị Thanh T đã phản bác toàn bộ tài liệu, chứng cứ của bị đơn cung cấp. Chị T khẳng định chữ ký của chị T trong hợp đồng lao động số 01-2021/TH ngày 02/8/2021 là giả tạo so với các chữ ký trong đơn khởi kiện, đơn kiến nghị gửi các cơ quan. Bên cạnh đó, chị T không có chuyên môn kế toán và

cũng không có kinh nghiệm làm kế toán mà được Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành H ký kết hợp đồng lao động với công việc làm kế toán bán hàng là hoàn toàn phi thực tế và trái với quy định của Luật Kế toán.

Mặt khác, ông Trần Xuân H là Phó tổng Giám đốc Công ty Thành H phụ trách nhóm S đã có văn bản xác nhận ngày 23/6/2023 với nội dung: Chị T được tuyển dụng vào làm việc tại phòng kinh doanh/nhánh S thuộc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành H từ ngày 01/01/2021. Chị T thực hiện công việc theo sự phân công và điều hành trực tiếp của ông Trần Xuân H trong suốt quá trình làm việc tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành H. Đồng thời chị Lê Thị Thanh T được hưởng tiền lương từ nguồn tài chính của Phòng kinh doanh/nhánh S theo cơ chế tài chính khoán gọn (theo doanh số và lợi nhuận) của Công ty đã xác lập với ông Trần Xuân H. Nội dung xác nhận này hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của ông H, ông NA cùng với bà Ng được ghi nhận trong các tài liệu đã nộp cho Tòa án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định hợp đồng lao động số 01-2021/TH ngày 02/8/2021 của Công ty Thành H là giả mạo.

2. Các văn bản ghi nhận sự việc chị T đã tự ý bỏ việc liên tục từ ngày 07/7/2022 đến ngày 13/7/2022 của Công ty Thành H (bao gồm báo cáo của bà Phạm Thị Phương A - là Kế toán trưởng, biên bản sự việc và biên bản làm việc ngày 13/7/2022 của Công ty) và Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 02-2022/TH ngày 14/7/2022 của Công ty Thành H cũng đã được nguyên đơn phản bác là hoàn toàn sai sự thật, cố ý bịa đặt và vu khống cho chị Tâm. Bởi lẽ chị T là nhân viên bán hàng thuộc phòng kinh doanh/nhánh S và chị T không phải là nhân viên kế toán, cũng không thuộc sự quản lý và trực tiếp điều hành công việc của phòng Kế toán. Bên cạnh đó chị T cũng khẳng định là không nhận được bất cứ văn bản, tài liệu nào của Công ty về chấm dứt hợp đồng lao động, điều này cũng đã có ý kiến xác nhận của ông H, ông NA và bà Ng được thể hiện trong đơn kiến nghị gửi Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ. Theo đó bị đơn không chứng minh được các tài liệu, văn bản thông báo/Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động nêu trên đã được gửi đến cho chị T theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 45 của Bộ luật Lao động năm 2019.

Mặt khác ông Trần Xuân H có văn bản xác nhận ngày 28/6/2023 đã được gửi đến Tòa án có nội dung: “Từ ngày 07/7/2022 đến ngày 13/7/2022 cùng với ông Trần Xuân H thì chị T vẫn đến làm việc tại Công ty cùng với những nhân viên khác của phòng kinh doanh/nhóm S .. đã bị bà Th là Tổng Giám đốc của Công ty đuổi ra khỏi Công ty và không cho đến làm việc tại Công ty từ ngày 13/7/2022”. Nội dung xác nhận này là hoàn toàn phù hợp với lời trình bày, xác nhận của ông H, ông NA cùng với bà Ng được ghi nhận tại các tài liệu, chứng cứ đã được nguyên đơn gửi đến Tòa án và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa. Đồng thời nội dung cũng đã được ông L - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty xác nhận tại cuộc họp bất thường ngày 04/8/2023.

Trên thực tế là chị T được ông Hg tuyển dụng và gắn bó làm việc với ông Hg từ năm 2019 đến nay nên lời khai của chị T phù hợp với xác nhận của ông

Hg. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định Công ty sa thải chị T là trái quy định của pháp luật.

3. Đến nay Công ty vẫn chưa chi trả chế độ cho chị Tâm, đã sa thải trái pháp luật, gồm tiền lương từ ngày 01/7/2022 đến ngày 13/7/2022 là 3.692.307 đồng, trợ cấp thôi việc là 3.692.307 đồng, trợ cấp mất việc do sa thải người lao động trái pháp luật là 7.350.000 đồng, tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm từ ngày 23/7/2022 đến ngày 17/7/2024 là 2.361.297 đồng nên Công ty phải trả cho chị T khoản tiền này. Công ty tiếp tục phải trả tiền lãi cho chị T từ ngày 17/7/2024 đến khi thanh toán hết nợ.

Chị Phạm Thị Phương A là người làm chứng trình bày: Chị là Kế toán trưởng của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành H, còn chị Lê Thị Thanh T là nhân viên kế toán bán hàng của Công ty. Trong công việc hàng ngày, chị T có trách nhiệm báo cáo ban Giám đốc Công ty và chị thuộc lĩnh vực chị quản lý. Giữa chị và chị T không xảy ra mâu thuẫn gì. Chị T làm việc ở Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành H từ tháng 8/2021 đến ngày 07/7/2022 thì tự ý bỏ việc tại Công ty không rõ lý do. Ngày 14/7/2022 Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với chị T nên chị đã gọi điện cho chị T đến nhận tiền lương. Buổi chiều ngày 14/7/2022 chị T đến Công ty nhận tiền lương và các khoản phụ cấp của tháng 6 và tháng 7/2022. Chị là người trực tiếp trả tiền lương cho chị Tâm, khi nhận tiền thì chị T đã ký xác nhận vào bảng thanh toán lương năm 2022 để Công ty lưu giữ. Ngày 16/7/2022 chị T nhắn tin trên Zalo cho chị là chị T không đến Công ty làm việc nữa, sau khi nhận tiền lương thì chị T đã nhờ người xin cho làm việc chỗ mới. Nay chị khẳng định là chị T đã nhận đủ tiền lương và các khoản phụ cấp của những ngày làm việc trong tháng 7/2022 là 2.594.213 đồng (Hai triệu năm trăm chín mươi tư nghìn hai trăm mười ba đồng).

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 02/2024/LĐ-ST ngày 22/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

1. Căn cứ vào điểm e khoản 1, khoản 3 Điều 36; khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Lao động. Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T về yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành H thanh toán cho chị Lê Thị Thanh T tiền lương, tiền trợ cấp thôi việc và sa thải, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho chị Lê Thị Thanh T vì là người khởi kiện đòi tiền lương, trợ cấp thôi việc và có đơn xin miễn án phí.

Bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 8 năm 2024, chị Lê Thị Thanh T là nguyên đơn kháng cáo nội dung không chấp nhận toàn bộ bản án số 02/2024/LĐ-ST ngày 22/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh P. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa, chị T đề nghị xem xét tính hợp pháp của hợp đồng và chị khẳng định hợp đồng Công ty cung cấp là giả mạo vì thực tế chị và Công ty ký hợp đồng làm việc từ ngày 01/01/2021, không phải hợp đồng làm việc từ 01/8/2021 như Công ty trình bày; chị đề nghị xem xét việc Công ty sa thải chị trái pháp luật và đề nghị bị đơn phải bồi thường các khoản tiền sau đây:

- Tiền lương 16 ngày của tháng 7/2022 Công ty chưa trả (từ ngày 01/7/2022 đến ngày 16/7/2022) là 4.308.000 đồng.

- Tiền trợ cấp 02 năm lao động tương đương 01 tháng lương là 8.000.000 đồng;

- Tiền bồi thường sa thải trái pháp luật 02 tháng lương là 16.000.000 đồng,

- Tiền bồi thường do vi phạm nghĩa vụ báo trước 45 ngày là 12.000.000 đồng;

- Tiền trả lãi của số tiền chậm trả 10.748.000 đồng;

- Tiền chi lập vi bằng 10.000.000 đồng;

- Tiền chi phí chuyển phát nhanh, chi phí xăng xe đến Tòa và phụ phí kèm theo 5.000.000 đồng.

Tổng cộng là 66.056.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện cho bị đơn anh Phùng Nguyễn H có mặt tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm và có không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Lê Thị Thanh T về việc yêu cầu công ty phải thanh toán cho chị T 05 ngày chưa trả lương từ ngày 01/7/2022 đến ngày 06/7/2022) số tiền 2.594.213 đồng vì công ty không còn bản gốc để chứng minh đã trả lương. Các nội dung kháng cáo khác của nguyên đơn không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo khác của chị Tâm.

Về án phí: Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thành H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Lê Thị Thanh T không phải chịu án phí phúc thẩm.

(Chi tiết bài phát biểu lưu hồ sơ vụ án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Đơn kháng cáo của chị Lê Thị Thanh T trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo các nội dung kháng cáo của chị T theo quy định của pháp luật.

[2] Xét các nội dung kháng cáo của chị Lê Thị Thanh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.1. *Xét kháng cáo của chị T đề nghị xác định chị ký hợp đồng lao động làm việc tại Công ty Thành H từ ngày 01/01/2021, Hợp đồng lao động số 01-2021/TH ngày 02/8/2021, Công ty cung cấp là giả mạo thấy rằng:* Chị T trình bày, thực tế chị làm việc tại Công ty từ ngày 01/01/2021, nhưng chị T không có hợp đồng lao động chứng minh chị ký hợp đồng với Công ty từ ngày 01/01/2021 như chị đã trình bày để cung cấp cho Tòa án, còn Công ty cho rằng chị ký hợp đồng số 01-2021/TH ngày 02/8/2021. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả xác minh tại Bảo hiểm xã hội huyện Lâm Thao, đã thể hiện: Chị T được Công ty đóng bảo hiểm từ tháng 8/2021 đến tháng 6/2022, nên việc chị T cho rằng chị và Công ty ký hợp đồng lao động từ ngày 01/01/2021 là không có căn cứ. Chỉ có cơ sở xác định chị T ký hợp đồng lao động làm việc tại Công ty từ ngày 02/8/2021 như hợp đồng lao động số 01-2021/TH ngày 02/8/2021, Công ty đã cung cấp, nên phải bác nội dung kháng cáo này của chị Tâm.

Chị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T còn cho rằng, chị T không có nghiệp vụ kế toán, nhưng công ty lại ký hợp đồng chị làm phòng hành chính kế toán, chức danh chuyên môn là kế toán bán hàng là trái pháp luật thấy rằng: Tại hợp đồng, Công ty tuyển chị T vào làm kế toán bán hàng là sự thỏa thuận giữa các bên, căn cứ nhu cầu tuyển dụng, sắp xếp công việc của người sử dụng lao động, chị T vào làm việc nhưng không có khiếu nại gì đối với công việc được công ty sắp xếp. Vì vậy, không có cơ sở để xem xét lời trình bày của chị T cũng như của người bảo vệ quyền lợi cho chị T để xem xét quá trình quản lý, sử dụng lao động của nội bộ Công ty được.

2.2. *Xét kháng cáo của chị T cho rằng ngày 13/7/2022 khi chị đến Công ty thì bà Th là Tổng Giám đốc Công ty Thành H không cho chị làm việc, đã đuổi chị ra khỏi Công ty mà không có lý do chính đáng nên chị cho rằng Công ty đã sa thải chị trái pháp luật thấy rằng:* Căn cứ các tài liệu là các biên bản sự việc công ty lập các này ngày 07/7, 08/7, 09/7, 11/7, 12/7 và ngày 13/7/2022, biên bản làm việc ngày 13/7/2022 có sự tham gia của đại diện công ty, kế toán chăm công, bảo vệ công ty và người chứng kiến, có đủ cơ sở xác định chị T tự ý bỏ việc các ngày 07/7, 08/7, 09/7, 11/7, 12/7 và ngày 13/7/2022, là trên 05 ngày lao động liên tục, nên ngày 14/7/2022, Công ty Thành H đã căn cứ điểm e khoản 1, khoản 3 Điều 36 của Bộ luật lao động quy định về Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động

1. Người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp sau đây:

e) Người lao động tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên”.

Do đó, Công ty đã ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với chị T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên không chấp nhận kháng cáo của chị T cho rằng Công ty Thành H đã sa thải chị trái pháp luật được. Nên phải bác nội dung kháng cáo này của chị Tâm.

2.3. Xét kháng cáo của chị T yêu cầu Công ty Thành H phải thanh toán tiền lương của chị những ngày làm việc từ ngày 01/7/2022 đến ngày 16/7/2022, số tiền 4.308.000 đồng thấy rằng: Công ty Thành H cho rằng Công ty đã trả lương cho chị thời gian lao động 05 ngày từ ngày 01/7/2022 đến ngày 06/7/2022, (cụ thể ngày 01/7, 02/7, 04/7, 05/7 và 06/7/2022) số tiền 2.594.213 đồng, nhưng không được chị T thừa nhận. Công ty cung cấp bảng trả lương tháng 7/2022 (từ ngày 01/7/2022 đến ngày 06/7/2022), Công ty đã chi trả số tiền 2.594.213 đồng. Tại cấp sơ thẩm do chị T không yêu cầu giám định đối với bảng lương này, nên Tòa án không tiến hành giám định chữ ký gốc tại bảng lương Công ty cung cấp xác định chị T đã nhận lương để xác định Công ty đã trả lương cho chị T là đúng quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, chị T mới đề nghị tiến hành giám định chữ ký gốc của chị T tại bảng nhận lương tháng 7/2022 để chứng minh không phải chữ ký của chị đã nhận lương. Do bảng lương sau khi trả cho người lao động thì chỉ bên sử dụng lao động (Công ty Thành H) là bên duy nhất giữ bản gốc đó. Trong khi đó, Công ty là chủ thể duy nhất được quản lý bản gốc này, nên công ty làm mất bản gốc chứng cứ do lỗi của Công ty. Trong khi đó, bản phô tô do Công ty cung cấp không được coi là chứng cứ để chứng minh khi không có bản gốc để đối chiếu theo yêu cầu. Vì vậy, Công ty đánh mất tài liệu gốc nên phải chịu trách nhiệm, nên cần buộc Công ty Thành H phải thanh toán cho chị T số tiền lương trong 05 ngày làm việc (ngày 01/7, 02/7, 04/7, 05/7 và 06/7/2022) cho chị T là có căn cứ.

Do Công ty không đưa ra được chứng cứ gốc để chứng minh nên phải xem căn cứ hợp đồng hai bên ký kết làm cơ sở để tính tiền lương công ty phải chi trả cho chị T 05 ngày làm việc tháng 7/2022. Tuy nhiên, mức lương theo hợp đồng hai bên ký kết là 3.675.000 đồng/tháng tại thời điểm giải quyết không phù hợp với mức lương cơ sở vùng III tại huyện Lâm Thao mức 3.860.000 đồng/tháng, tương đương 05 ngày làm việc lương cơ sở vùng làm tròn là 742.300 đồng. Trong khi đó, tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa, phía bị đơn đều xác định đã trả 05 ngày lương tháng 7/2022, tổng lương cơ bản và các khoản tiền khác tổng cộng là 2.594.213 đồng, số tiền này lớn hơn số tiền 05 ngày lương tính theo mức lương cơ sở vùng, là có lợi cho người lao động. Nên buộc Công ty phải thanh toán số tiền 2.594.213 đồng cho 05 ngày làm việc của chị T trong tháng 7/2022 (ngày 01/7, 02/7, 04/7, 05/7 và 06/7/2022) là đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho chị Tâm.

Chị T còn yêu cầu Công ty Thành H phải trả lương từ ngày 07/7/2022 đến ngày 16/7/2022 thấy rằng: Do chị T không đến làm việc nên ngày 07/7/2022 và những ngày làm việc tiếp theo, công ty lập biên bản những ngày không đến công

ty làm việc đến ngày 13/7/2022, biên bản có xác nhận của Đại diện Công ty, kế toán, bảo vệ công ty và người chứng kiến ghi biên bản, nên có đủ cơ sở để xác định chị T không đến Công ty làm việc từ ngày 07/7/2022 đến ngày 13/7/2022 là có căn cứ, nên không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của chị T yêu cầu Công ty phải thanh toán tiền lương của chị Tâm những ngày làm việc từ ngày 07/7/2022 đến ngày 13/7/2022 được.

2.4. Xét kháng cáo của chị T yêu cầu Công ty Thành H thanh toán tiền trợ cấp thôi việc trong 02 năm chị lao động tương đương 01 tháng lương là 8.000.000 đồng và Tiền bồi thường sa thải trái pháp luật 02 tháng lương là 16.000.000 đồng, thấy rằng:

- Về yêu cầu bồi thường trợ cấp thôi việc 01 tháng lương số tiền 8.000.000 đồng thấy rằng: Công ty Thành H đã chấm dứt hợp đồng lao động đối với chị T là đúng quy định theo điểm e khoản 1, khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Lao động và chị T chưa làm việc đủ 12 tháng nên căn cứ khoản 1 Điều 46 của Bộ luật lao động, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu trợ cấp thôi việc của chị Tâm.

- Về yêu cầu bồi thường sa thải trái pháp luật số tiền trị giá 02 tháng lương là 16.000.000 đồng, thấy rằng: Tại điểm 2.2 mục [2] đã phân tích trên xác định chị T bị Công ty Thành H đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, không thuộc trường hợp cho thôi việc quy định tại Điều 42 và Điều 43 của Bộ luật lao động, nên không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của chị T yêu cầu Công ty Thành H phải bồi thường do sai trái pháp luật.

2.5. Xét kháng cáo của chị T yêu cầu Công ty Thành H phải bồi thường số tiền vi phạm nghĩa vụ báo trước 45 ngày là 12.000.000 đồng thấy rằng: Chị T nghỉ việc liên tục 05 ngày làm việc một tháng, quy định tại điểm e khoản 1 Điều 36 của Bộ luật lao động và căn cứ tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật lao động năm 2019, quy định thì Công ty có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với chị T mà không phải báo trước nên yêu cầu này của chị T là không có căn cứ để chấp nhận đồng nghĩa việc phải bác nội dung kháng cáo này của chị Tâm.

2.6. Xét kháng cáo của chị T yêu cầu Công ty Thành H phải trả số tiền lãi của số tiền chậm trả 10.748.000 đồng thấy rằng: Giữa chị T và công ty Thành H chỉ phát sinh từ quan hệ hợp đồng, không thực hiện quan hệ hợp đồng vay tài sản, không thỏa thuận lãi nên không có căn cứ để tính lãi theo đề nghị của chị Tâm.

2.7. Xét kháng cáo của chị T yêu cầu công ty Thành H phải bồi thường tiền chi phí lập vi bằng 10.000.000 đồng; Tiền chi phí chuyển phát nhanh, chi phí xăng xe đến Tòa và phụ phí kèm theo 5.000.000 đồng thấy rằng: Cả hai khoản tiền chị T đề nghị không liên quan đến hợp đồng lao động tranh chấp phải giải quyết trong vụ án, nên không có căn cứ để xem xét chấp nhận hai khoản tiền chị T yêu cầu được.

Từ những nội dung kháng cáo đã nêu và phân tích từ điểm 2.1 đến điểm 2.7 mục [2] nêu trên thấy rằng: Trong số các nội dung kháng cáo của chị Tâm, chỉ có cơ sở để buộc Công ty Thành H phải trả cho chị T 05 ngày lương chưa trả của tháng 7/2022, (Gồm các ngày 01/7; 02/7; 04/7; 05/7 và 06/7/2022 là 05 ngày) số tiền 2.594.213 đồng. Nên phải sửa một phần bản án Lao động sơ thẩm số 02/2024/LĐ-ST ngày 22/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ do phát sinh tình tiết mới tại cấp phúc thẩm, không phải do nguyên

nhân của Tòa án cấp sơ thẩm. Đối với các nội dung kháng cáo khác không có căn cứ, vì vậy, phải bác các nội dung kháng cáo này của chị Tâm.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Lê Thị Thanh T.

Sửa một phần bản án Lao động sơ thẩm số 02/2024/LĐ-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào điểm e khoản 1, khoản 3 Điều 36; khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Lao động.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Lê Thị Thanh T. Buộc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành H phải thanh toán cho chị Lê Thị Thanh T tiền lương 05 ngày làm việc (Ngày 01/7/2022, 02/7/2022; 04/7/2022; 05/7/2022 và ngày 06/7/2022), số tiền là 2.594.213 đ (Hai triệu năm trăm chín mươi tư nghìn hai trăm mười ba đồng).

3. Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Thanh T yêu cầu Công ty Thành H phải thanh toán tiền lương còn thiếu tính từ ngày 07/7/2022 đến ngày 16/7/2022, số tiền 1.713.787 đồng; Tiền trợ cấp thôi việc là 8.000.000 đồng; Tiền sa thải trái luật là 16.000.000 đồng; Tiền vi phạm nghĩa vụ báo trước 45 ngày là 12.000.000 đồng; Tiền lãi là 10.748.000 đồng; Tiền chi phí lập vi bằng là 10.000.000 đồng; Tiền chi phí tố tụng khác là 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 63.461.787 đ (Sáu mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- TAND huyện Lâm Thao;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hán Hương